

Số: 45/2024/QĐST-HNGĐ

Di Linh, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH**

Căn cứ Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; 81;82;83;84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh **Trương Công T**; sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Thôn E, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.**

- Chị **Ka H**; sinh năm 2000.

Địa chỉ: **Số A, thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Trương Quốc T1**; sinh ngày 15/10/2017. Từ khi ly thân, cháu **T1** ở với chị **Ka H** cho đến nay. Khi ly hôn, vợ

chồng thống nhất giao con chung cho chị **Ka H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận về nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với ý kiến của con trẻ. Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận về nuôi con như trên là phù hợp.

[3] Về phần tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[4] Về án phí, lệ phí tòa án: Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **Ka H** và anh **Trương Công T** mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án.

[5] Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Ka H** và anh **Trương Công T**.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, giao con chung tên **Trương Quốc T1**; sinh ngày 15/10/2017 cho chị **Ka H** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Trương Công T** không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo luật hôn nhân và gia đình.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Tài sản riêng của mỗi người tự quản lý. Khi ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Ka H** và anh **Trương Công T** mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án. Chị **Ka H** và anh **Trương Công T** đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0005707 ngày 08/4/2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THA Di Linh;
- Các đương sự ;
- UBND xã Đình Trang Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Bá Cường Huy**